

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1	Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu phải có cam kết toàn bộ hàng hóa và phụ kiện cung cấp phải mới 100%, chưa qua sử dụng và được sản xuất năm 2025. - Hàng hóa có đặc tính, thông số kỹ thuật, chủng loại, số lượng, chất lượng thoả mãn với tiêu chuẩn Việt Nam và đăng ký chất lượng của nhà sản xuất, hoàn toàn đáp ứng (bằng hoặc tốt hơn) yêu cầu của E-HSMT nêu tại chương V E-HSMT. - Đối với hàng hóa nhập khẩu: Có cam kết cung cấp chứng nhận về xuất xứ hàng hoá (C/O), chứng nhận về chất lượng hàng hoá (C/Q), giấy phép nhập khẩu (nếu có); phiếu bảo hành hàng hóa <p>Trường hợp các tài liệu này bằng tiếng nước ngoài thì phải đính kèm bản dịch tiếng Việt và nhà thầu chịu trách nhiệm về tính chính xác nội dung bản dịch)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với hàng hóa trong nước cam kết cung cấp phiếu xuất xưởng và chứng nhận chất lượng hàng hóa của nhà sản xuất (hoặc tương đương). - Hàng hóa chào thầu phải có đầy đủ catalogue/hình ảnh minh họa bằng tiếng việt thể hiện đầy đủ đặc tính, thông số kỹ thuật, đính kèm trong E-HSDT. 	Đạt
		Nhà thầu không chào cụ thể hàng hóa hoặc hàng hóa không đúng chủng loại hoặc Không đáp ứng được một trong số các thông số kỹ thuật yêu cầu ở chương V.	Không đạt
2	Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa	<p>Nhà thầu có giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa hợp lý và hiệu quả kinh tế, phải đáp ứng các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu phải thuyết minh về kế hoạch thực hiện việc cung cấp hàng hóa; - Thuyết minh công tác cung cấp, kiểm tra, bàn giao, nghiệm thu; 	Đạt

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Có tính khả thi trong việc tổ chức thực hiện.	
		Không có giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa hợp lý và hiệu quả kinh tế.	Không đạt
3	Tiến độ cung cấp hàng hóa	<= 30 ngày	Đạt
		> 30 ngày	Không đạt
4	Bảo hành	Nhà thầu có cam kết	Đạt
		Nhà thầu cam kết không đáp ứng	Không đạt
5	Phụ tùng/ linh kiện thay thế	Có cam kết cung cấp phụ tùng/linh kiện thay thế ≥ 01 năm kể từ ngày hết thời hạn bảo hành	Đạt
		Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
6	Hỗ trợ kỹ thuật	- Nhà thầu cam kết hỗ trợ kỹ thuật khi nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư/Đơn vị sử dụng. Trong thời gian bảo hành nhà thầu phải cam kết tiến hành khắc phục sự cố trong 24 giờ kể từ khi có thông báo của chủ đầu tư.	Đạt
		Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
7	Thời gian thực hiện, đào tạo, chuyển giao công nghệ.	- Nhà thầu phải thuyết minh phương án, hướng dẫn đào tạo, chuyển giao công nghệ hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về tiến độ cung cấp trong thời gian chậm nhất là 3 ngày tính từ ngày bàn giao hàng hoá đưa vào sử dụng	Đạt
		- Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
8	Uy tín của nhà thầu thông qua Kết quả thực hiện hợp đồng trước đó của nhà thầu.	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm đóng thầu: - Nhà thầu cam kết không thuộc các trường hợp vi phạm về kết quả thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;	Đạt

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		<ul style="list-style-type: none"> - Cam kết không có hợp đồng không hoàn thành, bị chấm dứt hợp đồng do lỗi của nhà thầu; - Cam kết không có hợp đồng bị Chủ Đầu tư/Đơn vị sử dụng kết luận chất lượng hàng hóa không đáp ứng yêu cầu, cung cấp không đúng theo hợp đồng; - Cam kết không có hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của Nhà thầu; Cam kết không vi phạm các điều khoản trong hợp đồng trước đó.	
		Nhà thầu không có cam kết hoặc cam kết nội dung không phù hợp.	Không đạt
E-HSĐT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí được đánh giá là đạt.			

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

4.1. Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

- Trường hợp Mục 13.5 E-BDL quy định nhà thầu chào theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) Chương IV:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSĐT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Bước 1. Xác định giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT, sau khi giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSĐT có giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT, sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có)

Trường hợp cho phép nhà thầu đề xuất phương án kỹ thuật thay thế theo quy định tại Mục 12 E-CDNT, E-HSDT sẽ được đánh giá như sau: Không yêu cầu.

Mục 6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập (nếu có)

Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập thì trong E-HSMT phải nêu rõ tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá đối với từng phần hoặc nhiều phần để các nhà thầu tính toán phương án chào thầu theo khả năng của mình. Việc đánh giá E-HSDT và xét duyệt trúng thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở bảo đảm tổng giá đề nghị trúng thầu của gói thầu là thấp nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất); tổng giá đánh giá của gói thầu là thấp nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá đánh giá) và giá đề nghị trúng thầu của cả gói thầu không vượt giá gói thầu được duyệt mà không so sánh với ước tính chi phí của từng phần.